

Bản án số: 310/2023/HS-PT
Ngày 13-9-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Ngọc Thắng

Các Thẩm phán:

Ông Lê Công Huân

Bà Nguyễn Huỳnh Mai Tâm Quyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Ngọc Trường - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 223/TLPT-HS ngày 27 tháng 6 năm 2023 đối với các bị cáo Lê Thị Thủy T, Phạm Thị Kim L, Ngô Văn H, Lê Kim A, Lê Văn V, Đoàn Thị Kim T1, Lê Văn C, Nguyễn Thanh T2, Nguyễn Thị Kim N, Trần Thị X, Lê Văn E, Trần Thị E1, Nguyễn Chú L1, Nguyễn Hữu N1, Hồ Văn L2, Lê Thành H1, Đặng Thị Kiều H2 do có kháng cáo của các bị cáo nêu trên đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 20/2023/HS-ST ngày 09 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Lê Thị Thủy T (tên gọi khác: L3), sinh năm 1979 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: Số D, ấp B, xã L, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 6/12; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Lê Tấn X1 và bà Nguyễn Thị H3; Bị cáo có chồng là Trần Hồng B và có 02 con (lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2002); Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/5/2021 đến ngày 15/7/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

2. Phạm Thị Kim L (tên gọi khác: D), sinh năm 1972 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: Số A, ấp A, xã L, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: Số B, tổ I, ấp A, xã H, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 01/12; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Phạm Văn N2 và bà Lê Thị S; Bị cáo có chồng là Phạm Văn Đ và có 03 con (lớn nhất sinh năm 1992, nhỏ nhất sinh năm 2004); Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/5/2021 đến ngày 14/7/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

3. Ngô Văn H (tên thường gọi: Q, Q1), sinh năm 1979 tại tỉnh Long An; Thường trú: Ấp D, xã L, huyện C, tỉnh Long An; Trình độ văn hóa: 02/12; Nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Ngô Văn N3 và bà Huỳnh Thị P; Bị cáo có vợ Trần Thị K và có 02 con, lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 27/4/2023, Tòa án huyện C, tỉnh Long An xử phạt 02 (hai) năm tù về tội “*Tổ chức đánh bạc*” theo Bản án số 51/2023/HS-ST ngày 27/4/2023.

- Ngày 01/7/2011, bị Công an xã L, huyện C, tỉnh Long An ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” bằng hình thức phạt tiền 750.000 đồng, theo Quyết định số 262/QĐ-XPHC (bị cáo đã nộp phạt).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/5/2021 đến ngày 05/6/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Ngày 05/9/2022, bị cáo bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Long An bắt tạm giam trong một vụ án khác về tội “*Tổ chức đánh bạc*” (có mặt tại phiên tòa).

4. Lê Kim A (tên thường gọi Bà C1), sinh năm 1959 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: Số D, tổ F, ấp B, xã L, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh; Trình độ văn hóa: 01/12; Nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Con ông Lê Văn M và bà Nguyễn Thị S1; Bị cáo có chồng Nguyễn Văn P1 và có 01 con sinh năm 1975; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 15/7/2010, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định giáo dục tại cấp xã theo Nghị định 163/CP do có hành vi “*Đánh bạc*” (Bị cáo đã chấp hành xong Quyết định).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/5/2021 đến ngày 05/6/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

5. Lê Văn V (tên gọi khác: T3), sinh năm 1975 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: Số A, ấp A, xã L, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: Số B, ấp E, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ văn hóa: 02/12; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Lê Hữu L4 và bà Kiều Thị H4; Bị cáo có vợ Nguyễn Thị Kim L5 và có 03 con (lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2018); Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 11/01/2023 bị Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) về tội “Đánh bạc” theo Bản án số 03/2023/HS-ST.

- Ngày 07/01/2009, bị Công an xã L, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc” bằng hình thức phạt tiền 1.000.000 đồng, theo Quyết định số 0029926/QĐ-XPHC (bị cáo V đã nộp phạt).

Bị cáo bị tạm giữ từ, tạm giam từ ngày 27/5/2021 đến ngày 24/8/2021 được tại ngoại (có mặt).

6. Đoàn Thị Kim T1, sinh năm 1982 tại tỉnh Long An; Thường trú: Ấp B, xã L, huyện C, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 5/12; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Đoàn Văn B1 và bà Lê Thị C2; Bị cáo có chồng là Trần Thanh T4 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2009 (tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai có 04 con, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2022).

Tiền án: Ngày 04/02/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An, xử phạt 25.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”, theo Bản án số 11/2020/HSST (bị cáo nộp phạt xong ngày 14/01/2021 và đã nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm).

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/5/2021 đến ngày 14/7/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

7. Lê Văn C, sinh năm 1996 tại tỉnh Long An; Thường trú: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Long An; Chỗ ở: Số E, tổ G, ấp A, xã L, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ văn hóa: 10/12; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Lê Văn C3 và bà Nguyễn Thị B2; Bị cáo có vợ tên Dương Cẩm L6, chưa có con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/5/2021 đến ngày 05/6/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

8. Nguyễn Thanh T2, sinh năm 1985 tại tỉnh Tiền Giang; Thường trú: Ấp T, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang; Chỗ ở: Số E, ấp B, xã L, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Tài xế ; Trình độ văn hóa: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn Ú và bà Đặng Thị B3; Bị cáo có vợ tên Hồ Thị N4 và có 02 con (lớn sinh năm 2015, nhỏ sinh năm 2019); Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/5/2021 đến ngày 05/6/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

9. Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1978 tại tỉnh Đồng Nai; Thường trú: Ấp B, xã P, huyện N, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ văn hóa: 01/12; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật; Con ông Nguyễn Văn K1 và bà Trần Thị H5; Bị cáo có chồng (đã ly hôn) và có 02 con (lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 1996).

Tiền án: Ngày 19/11/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xử phạt 25.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”, theo Bản án số 123/2018/HS-ST. Bị cáo nộp phạt xong ngày 09/5/2022 và đã nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/5/2021 đến ngày 05/6/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

10. Trần Thị X (tên thường gọi L7), sinh năm 1990 tại Thành phố Cần Thơ; Thường trú: Số A, thị trấn V, huyện V, thành phố Cần Thơ; Chỗ ở: Khu dân cư N, tổ A, ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 9/12; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Con ông Trần Văn T5 và bà Thạch Thị N5; Bị cáo có chồng Nguyễn Minh T6 và có 02 con (lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh năm 2009); Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/5/2021 đến ngày 05/6/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

11. Lê Văn E, sinh năm 1956 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: Số A, tổ A, ấp D, xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 3/12; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Lê Văn D1 và bà Trần Thị H6; Bị cáo có vợ

Nguyễn Thị Ngọc H7 và có 03 con (lớn nhất sinh năm 1981, nhỏ nhất sinh năm 1986); Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/5/2021 đến ngày 05/6/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

12. Trần Thị E1, sinh năm 1963 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: Số C, tổ E, ấp B, xã L, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh; Trình độ văn hóa: 3/12; Nghề nghiệp: Phụ hồ; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Đạo C; Con ông Trần Văn Q2 và bà Ngô Thị N6; Bị cáo có chồng Nguyễn Văn T7 và có 02 con (lớn sinh năm 1981, nhỏ sinh năm 1987); Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/5/2021 đến ngày 05/6/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

13. Nguyễn Chú L1, sinh năm 1964 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: Số A, tổ A, ấp B, xã L, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Chăn nuôi; Trình độ văn hóa: 5/12; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Con ông Nguyễn Văn T8 và bà Phạm Thị L8; Bị cáo có vợ Hồ Thị L9 và có 03 con (lớn nhất 1984, nhỏ nhất sinh năm 1990); Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/5/2021 đến ngày 05/6/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

14. Nguyễn Hữu N1, sinh năm 1994 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: Số I, tổ A, ấp A, xã L, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Hữu T9 và bà Ngô Thị K2; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 26/12/2014, bị Công an xã L, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” bằng hình thức phạt tiền 750.000 đồng (bị cáo đã nộp phạt).

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/5/2021 đến ngày 05/6/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

15. Hồ Văn L2 (tên thường gọi B4), sinh năm 1978 tại tỉnh Vĩnh Long; Thường trú: Ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long; Chỗ ở: Số D, tổ G, ấp B, xã L, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 01/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông: Không rõ và bà Hồ Thị H8; Bị cáo có vợ Nguyễn Thị Bé B5 và 01 con sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/5/2021 đến ngày 05/6/2021 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

16. Lê Thành H1 (tên thường gọi V1), sinh năm 1982 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Thường trú: Số D, tổ B, ấp B, xã L, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: Số E, tổ C, ấp A, xã L, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 02/12; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Lê Tấn S2 và bà Nguyễn Thị H3; Bị cáo có vợ là Trần Thị Kim M1 và có 02 con (lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2007); Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 11/01/2023, bị Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) về tội “Đánh bạc” theo Bản án số 03/2023/HS-ST.

- Ngày 12/02/2014, bị Công an xã H, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc” bằng hình thức phạt tiền 1.500.000 đồng (bị cáo đã nộp phạt).

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/5/2021 đến ngày 24/8/2021 được tại ngoại (có mặt).

17. Đặng Thị Kiều H2, sinh năm 1977 tại tỉnh Bến Tre; Thường trú: Khu phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ văn hóa: 01/12; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nữ; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Đặng Văn H9 và bà Trần Thị N7; Bị cáo có chồng là Lê Văn L10 và có 02 con (lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 1998); Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/5/2021 đến ngày 05/6/2021 được tại ngoại. Bị cáo bỏ trốn và bị truy nã, ngày 16/6/2022 bị cáo ra đầu thú và bị tạm giam từ ngày 16/6/2022 đến ngày 05/11/2022 được thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa*

1. Luật sư Hoàng Anh C4 làm việc tại Công ty L15 thuộc Đoàn luật sư Thành phố H bào chữa cho các bị cáo Lê Thị Thủy T, Lê Thành H1 (có mặt tại phiên tòa).

2. Luật sư Ông Nguyễn Quốc C5, luật sư Lê Thanh H10, luật sư Trần N8, cùng làm việc Công ty L16 thuộc Đoàn luật sư Thành phố H bào chữa cho bị cáo Đặng Thị Kiều H2 (có mặt tại phiên tòa).

3. Luật sư Hồ Minh T10 làm việc tại Trung tâm tư vấn pháp luật - Hội Luật gia Thành phố H bào chữa cho các bị cáo Trần Thị E1, Lê Kim A và Nguyễn Hữu N1 (có mặt tại phiên tòa).

Ngoài ra trong vụ án này còn có các bị cáo sau đây không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị:

Các bị cáo Võ Thanh T11, Lê Thanh T12, Lê Văn T13, Lê Tấn D2, Trang Hoàng L11, Phạm Thanh T14 cùng bị xử phạt về tội “Tổ chức đánh bạc”; bị cáo Hồ Thị Hồng M2 bị xử phạt về tội “Đánh bạc”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Võ Thanh T11 cùng với Lê Thanh T12, Lê Văn T13, Lê Tấn D2, Trang Hoàng T15 sử dụng nhà không số (nhà không người sử dụng) thuộc tổ F, ấp B, xã L, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức đánh bạc ăn tiền để thu tiền xâu. Trong những ngày tổ chức đánh bạc (từ 18 giờ ngày hôm trước đến khoảng 02 giờ sáng ngày hôm sau), T15, T13 và D2 trực tiếp có mặt tại sòng bài để nhận tiền xâu từ những người tham gia đánh bạc rồi đưa lại cho T12, rồi T12 dùng số tiền lấy xâu được, chi trả tiền mua bài, nước, chiếu, ghế; trả tiền công phục vụ ăn uống, giữ xe. Số tiền xâu còn lại T12 đưa cho T11 và khoản 07 ngày thì T11 chia tiền cho T12, T15, T13, D2 một lần. Ngoài ra Lê Thanh T12 thuê Phạm Thanh T14 giữ xe cho các con bạc và còn thuê công Lê Thị Thủy T, Hồ Thị Hồng M2, Phạm Thị Kim L phục vụ nấu ăn cho các con bạc.

Ngày 26/5/2021, Nguyễn Thị Kim N, Ngô Văn H, Đoàn Thị Kim T1, Lê Thành H1, Lê Văn V, Đặng Thị Kiều H2, Lê Kim A, Nguyễn Hữu N1, Nguyễn Thanh T2, Hồ Văn L2, Trần Thị X, Hồ Thị L12, Lê Văn C, Lê Văn E, Trần Thị E1, Nguyễn Chú L1 đánh bạc dưới hình thức đánh bài cào 03 lá (loại bài tây 52 lá) đếm nút thắng thua bằng tiền với quy định người làm cái thắng luân phiên cứ mỗi 02 ván thì xoay vòng, trong 02 ván đó người làm cái phải trả tiền xâu từ 50.000 đồng đến 500.000 đồng (tùy theo nhà cái thắng ít hay nhiều tiền) và người đặt tụ nếu thắng 02 ván liên tiếp thì trả tiền xâu 50.000 đồng. Trong ngày 26/05/2021, những người luân phiên làm cái gồm: Lê Văn V, Nguyễn Thị Kim N, Lê Kim A và Đặng Thị Kiều H2, còn những người đặt tụ gồm có: Ngô Văn H, Đặng Thị Kim T16, Lê Văn C, Nguyễn Thanh T2, Hồ Thị L12, Trần Thị X, Lê Văn E và những người ké vào các tụ bài gồm có: Trần Thị E1, Hồ Văn L2, Lê Thành H1, Nguyễn Hữu N1 và Nguyễn Chú L1. Số tiền đặt tụ do nhà cái quy định để những người tham gia đánh bạc đặt, sòng bài luôn có từ 10 đến 12 tụ bài cùng tham gia với nhau (kể cả người làm cái), mỗi tụ bài đặt ít nhất trong một

ván bài là 500.000 đồng và số tiền nhiều nhất là 5.000.000 đồng, nên số tiền người làm cái thắng, thua với những người tham gia đánh bạc ít nhất trong một ván bài là 10.000.000 đồng. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày (26/5/2021) khi Đặng Thị Kiều H2 làm cái ván bài thứ 2 thì có 12 tụ bài (kể cả tụ cái của H2) và H2 quy định số tiền mỗi tụ đặt cao nhất là 1.000.000 đồng và người chơi buộc phải đặt tiền ra chiếu bạc thì mới chia bài, nhằm tránh xảy ra tranh cãi. Khi đó, Lê Thành H1 ké tụ với H2 số tiền 1.000.000 đồng để làm cái; Lê Văn V, Trần Thị X, Ngô Văn H, Lê Văn C, Hồ Thị L12, Đặng Thị Kim T16 và Lê Văn E mỗi người đặt tụ 1.000.000 đồng; Nguyễn Thị Kim N và Nguyễn Hữu N1 hùn mỗi người 500.000 đồng để đặt tụ 1.000.000 đồng; Lê Kim A hùn 500.000 đồng, Trần Thị E1 hùn 250.000 đồng và Hồ Văn L2 hùn 250.000 đồng để đặt tụ 1.000.000 đồng; Nguyễn Thah T17 và Nguyễn Chú L1 hùn mỗi người 500.000 đồng để đặt tụ 1.000.000 đồng. Tổng số tiền người tham gia đặt tụ trong ván bài này đã xác định được là 10.000.000 đồng. Kết quả ván bài này tụ bài của V, N, Văn E, X, T17 và Hoàng thua, tụ bài của Kim A, L12 và T16 thắng, riêng tụ bài của C hòa. Khi những người tham gia đánh bạc đang chung, chia tiền thắng, thua và gom bài để chơi tiếp thì bị lực lượng Công an bắt quả tang, thu giữ số tiền tại chiếu bạc, thu giữ tiền xung quanh chiếu bạc tổng số tiền 11.950.000 đồng và thu giữ 5.000.000 đồng tiền xấu.

Quá trình điều tra xác định, ngoài số tiền thu tại chiếu bạc, tiền xung quanh chiếu bạc và tiền xấu, thì còn thu trong người các bị cáo số tiền mang theo như sau:

- Võ Thanh T11 mang theo 15.000.000 đồng, đây là tiền của T11 lấy xấu được từ việc tổ chức đánh bạc trong những ngày trước đó.

- Lê Tấn D2 mang theo 47.500.000 đồng, trong đó có 40.000.000 đồng là tiền của vợ D2 tên Lê Thị Ngọc N9 đưa để trả nợ, còn lại 7.500.000 đồng là tiền của D2 nhưng không dùng vào việc tổ chức đánh bạc. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã trả lại 40.000.000 đồng cho chị Lê Thị Ngọc N9.

- Trang Hoàng T15 mang theo 19.400.000 đồng, đây là tiền của em trai T15 tên Trang Hoàng L11 đưa để giải quyết công việc gia đình. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã trả lại 19.400.000 đồng cho anh Trang Hoàng L11.

- Lê Thị Thủy T mang theo 1.300.000 đồng nhưng không dùng vào việc tổ chức đánh bạc.

- Hồ Thị Hồng M2 mang theo 4.800.000 đồng nhưng không dùng vào việc tổ chức đánh bạc.

- Phạm Thị Kim L mang theo 600.000 đồng nhưng không dùng vào việc tổ chức đánh bạc.

- Phạm Thanh T14 mang theo 2.500.000 đồng nhưng không dùng vào việc tổ chức đánh bạc.

- Lê Kim A mang theo 49.000.000 đồng nhưng chỉ sử dụng 4.000.000 đồng vào việc đánh bạc, còn lại 45.000.000 đồng không dùng vào việc đánh bạc.

- Đoàn Thị Kim T1 mang theo 51.000.000 đồng, chỉ sử dụng 1.000.000 đồng vào việc đánh bạc, còn lại 50.000.000 đồng Thoa mượn của em chồng tên Nguyễn Thị Ngọc D3 để làm ăn, không dùng vào việc đánh bạc. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N trả lại 50.000.000 đồng cho chị Nguyễn Thị Ngọc D3.

- Nguyễn Thanh T2 mang theo 6.300.000 đồng để đánh bạc và quá trình đánh đã thắng 7.500.000 đồng nên tổng cộng là 13.800.000 đồng (bút lục 752-771).

- Nguyễn Thị Kim N mang theo 34.500.000 đồng, nhưng chỉ sử dụng 5.000.000 đồng vào việc đánh bạc, còn lại 29.500.000 đồng không dùng vào việc đánh bạc.

- Hồ Thị L12 mang theo 7.000.000 đồng sử dụng toàn bộ số tiền vào việc đánh bạc.

- Trần Thị X mang theo 2.000.000 đồng sử dụng toàn bộ số tiền vào việc đánh bạc.

- Lê Văn E mang theo 42.800.000 đồng, nhưng chỉ sử dụng 2.000.000 đồng vào việc đánh bạc, còn lại 40.800.000 đồng không dùng vào việc đánh bạc.

- Trần Thị E1 mang theo 5.000.000 đồng, nhưng chỉ sử dụng 1.000.000 đồng vào việc đánh bạc, còn lại 4.000.000 đồng không dùng vào việc đánh bạc.

- Nguyễn Hữu N1 mang theo 8.200.000 đồng nhưng chỉ sử dụng 2.000.000 đồng vào việc đánh bạc, đã thua hết, còn lại 6.200.000 đồng không dùng vào việc đánh bạc.

- Hồ Văn L2 mang theo 3.000.000 đồng dùng để đánh bạc và nhặt được tại nơi đánh bạc 4.400.000 đồng nên khi bắt quả tang bị thu giữ 7.400.000 đồng (bút lục 795-809).

- Lê Thành H1 mang theo 11.000.000 đồng, tại cơ quan điều tra, H1 khai chỉ sử dụng 3.500.000 đồng vào việc đánh bạc (bút lục 669-682). Đồng thời, H1 khai bị thua bạc 1.000.000 đồng và lúc chạy khỏi sòng bạc đánh rơi 1.000.000

đồng nên chỉ bị thu giữ 9.000.000 đồng, (trong đó có 1.500.000 đồng dùng đánh bạc, còn lại 7.500.000 đồng không dùng vào việc đánh bạc).

- Ngô Văn H mang theo số tiền 4.000.000 đồng nhưng đã thua hết (bút lục 837-848).

- Lê Văn V mang theo số tiền 6.000.000 đồng để đánh bạc. Vì khai bị thua bạc 2.000.000 đồng và số tiền 4.000.000 đồng đã làm rơi khi Công an vào kiểm tra (bút lục 772-783).

- Lê Văn C mang theo số tiền 4.300.000 đồng để đánh bạc, đã thua bạc hết (bút lục 810-823).

- Đặng Thị Kiều H2, mặc dù quá trình điều tra không xác định được số tiền bị cáo mang theo đánh bạc nhưng tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo khai đã dùng số tiền 4.000.000 đồng để đánh bạc và đã làm rơi khi Công an vào kiểm tra.

- Nguyễn Chú L1 mang theo 1.000.000 đồng để đánh bạc nhưng đã hùn số tiền này với T2 (bút lục 726-735).

Như vậy, số tiền thu giữ tiền trên chiếu bạc, tiền xung quanh chiếu bạc và tiền thu xâu trong ngày là 16.950.000 đồng. Quá trình điều tra đã xác định thêm số tiền mà các bị cáo giữ trong người dùng đánh bạc là 44.700.000 đồng, nên tổng cộng số tiền mà các bị cáo sử dụng đánh bạc trong ngày 26/5/2021 là 61.650.000 đồng.

Ngoài số tiền thu giữ, Công an còn thu giữ các công cụ, dụng cụ sử dụng vào việc đánh bạc, một số điện thoại di động, một số xe mô tô của các bị cáo và những người có mặt nhưng không tham gia đánh bạc và tổ chức đánh bạc.

Số tiền, đồ vật thu giữ của những người có mặt không tham gia đánh bạc, Cơ quan điều tra Công an huyện N đã trả lại cho những người này.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, các bị cáo Võ Thanh T11, Lê Thanh T12, Lê Văn T13, Lê Tấn D2, Trang Hoàng T15, Lê Thị Thủy T, Hồ Thị Hồng M2, Phạm Thị Kim L và Phạm Thanh T14 còn khai nhận: Ngoài địa điểm tổ chức đánh bạc bị bắt quả tang thì từ ngày 05/05/2021, các bị cáo đã sử dụng 03 địa điểm khác để tổ chức đánh bạc khoảng 20 lần. Trung bình mỗi ngày tổ chức đánh bạc thu lợi khoảng 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng (đã trừ các chi phí, trả tiền phục vụ, mua nước, bài). Tổng số tiền thu lợi bất chính từ việc lấy xâu tại sông bài từ ngày 05/05/2021 đến khi bị bắt quả tang khoảng 120.000.000 đồng. Trong đó T11 đã chia cho T15 30.000.000 đồng, chia cho T12 20.000.000 đồng, chia cho D2 12.000.000 đồng và chia cho T13 10.000.000

đồng, riêng T11 hưởng lợi khoảng 40.000.000 đồng. Riêng ngày 26/05/2021, đã lấy được tiền xâu được 5.000.000 đồng.

Lê Thị Thủy T, Hồ Thị Hồng M2 và Phạm Thị Kim L được Lê Thanh T12 thuê phục vụ ăn uống cho những người đến tham gia đánh bạc, được T12 trả tiền công mỗi ngày từ 400.000 đồng đến 500.000 đồng. T, M2 và L thu lợi bất chính khoảng 4.500.000 đồng/người.

Phạm Thanh T14 được Lê Thanh T12 thuê giữ xe cho con những người đến tham gia đánh bạc, được T12 trả tiền công mỗi ngày từ 400.000 đồng đến 500.000 đồng, thu lợi bất chính khoảng 2.800.000 đồng.

Đối với Hồ Thị L12 quá trình tại ngoại điều tra đã bỏ trốn, không rõ đi đâu, đến ngày 31 tháng 3 năm 2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh đã ra Quyết định truy nã đối với Hồ Thị L12, về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại bản Cáo trạng số 64/CT-VKS-NB ngày 22/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh, truy tố các bị cáo như sau:

Võ Thanh T11, về tội “Tổ chức đánh bạc” theo điểm d khoản 2 Điều 322 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Lê Thanh T12, về tội “Tổ chức đánh bạc” theo điểm a, c, d, đ khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Lê Văn T13, Lê Tấn D2, Trang Hoàng T15, Lê Thị Thủy T, Hồ Thị Hồng M2, Phạm Thị Kim L và Phạm Thanh T14, về tội “Tổ chức đánh bạc” theo điểm a, c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Lê Thành H1, Nguyễn Thị Kim N, Nguyễn Hữu N1, Lê Kim A, Trần Thị E1, Hồ Văn L2, Ngô Văn H, Lê Văn V, Đoàn Thị Kim T1, Lê Văn C, Nguyễn Thanh T2, Nguyễn Chú L1, Trần Thị X, Lê Văn E và Đặng Thị Kiều H2, về tội “Đánh bạc” theo điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 20/2023/HS-ST ngày 09-5-2023 của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Võ Thanh T11, Lê Thanh T12, Lê Văn T13, Lê Tấn D2, Trang Hoàng T15, Lê Thị Thủy T, Hồ Thị Hồng M2, Phạm Thị Kim L và Phạm Thanh T14 phạm tội “Tổ chức đánh bạc”; Các bị cáo Lê Thành H1, Nguyễn Thị Kim N, Nguyễn Hữu N1, Lê Kim A, Trần Thị E1, Hồ Văn L2, Ngô Văn H, Lê Văn V, Đoàn Thị Kim T1, Lê Văn C, Nguyễn Thanh T2, Nguyễn Chú L1, Trần Thị X, Lê Văn E và Đặng Thị Kiều H2 phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Lê Thị Thủy T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án phạt tù nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/5/2021 đến ngày 15/7/2021.

Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Phạm Thị Kim L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án phạt tù nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/5/2021 đến ngày 14/7/2023.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim N 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án phạt tù nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 27/5/2021 đến ngày 05/6/2021.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Ngô Văn H 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án phạt tù nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 27/5/2021 đến ngày 05/6/2021.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Đoàn Thị Kim T1 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án phạt tù nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/5/2021 đến ngày 14/7/2021.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Lê Thành H1 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án phạt tù nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 27/5/2021 đến ngày 05/6/2021.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Lê Văn V 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án phạt tù nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/5/2021 đến ngày 05/6/2021.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Lê Kim A 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án phạt tù nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 27/5/2021 đến ngày 05/6/2021.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Đặng Thị Kiều H2 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án phạt tù nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/5/2021 đến ngày 05/6/2021 và từ ngày 16/6/2022 đến ngày 05/11/2022.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu N1 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án phạt tù nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 27/5/2021 đến ngày 05/6/2021.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Lê Văn C 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án phạt tù nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 27/5/2021 đến ngày 05/6/2021.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T2 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án phạt tù nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 27/5/2021 đến ngày 05/6/2021.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Trần Thị X 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án phạt tù nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 27/5/2021 đến ngày 05/6/2021.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Hồ Văn L2 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án phạt tù nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 27/5/2021 đến ngày 05/6/2021.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Chú L1 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án phạt tù nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 27/5/2021 đến ngày 05/6/2021.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Lê Văn E 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án phạt tù nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 27/5/2021 đến ngày 05/6/2021.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo

Trần Thị E1 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án phạt tù nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 27/5/2021 đến ngày 05/6/2021.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên phạt bị cáo Võ Thanh T11 05 năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”; bị cáo Lê Thanh T12 04 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”; bị cáo Lê Tấn D2 03 năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”; các bị cáo Lê Văn T13, Trang Hoàng T15 mỗi bị cáo 01 năm 11 tháng 13 ngày tù về tội “Tổ chức đánh bạc”; bị cáo Nguyễn Thị L13 16 tháng 18 ngày tù về tội “Đánh bạc” và bị cáo Hồ Thị Hồng M2 01 năm 06 tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, xử phạt bổ sung đối với các bị cáo T11, T12, D2, T13 và T15, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 12/5/2023, bị cáo Nguyễn Thị Kim N có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Trần Thị E1 có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 13/5/2023, bị cáo Lê Văn C có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 14/5/2023, bị cáo Trần Thị X có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 16/5/2023, bị cáo Phạm Thị Kim L, Lê Văn E có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 17/5/2023, bị cáo Lê Kim A có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo; bị cáo Lê Văn V, Lê Thị Thủy T, Lê Thành H1 có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 18/5/2023, bị cáo Nguyễn Chú L1, Hồ Văn L2, Nguyễn Hữu N1, Nguyễn Thanh T2 có đơn kháng cáo xin hưởng án treo

Ngày 19/5/2023, bị cáo Ngô Văn H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Đặng Thị Kiều H2 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Ngày 22/5/2023, bị cáo Đoàn Thị Kim T1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo như đã nêu trên. Riêng bị cáo H1 thay đổi kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và các bị cáo Thủy T, Kim L bổ sung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi phân tích tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

+ Đối với các bị cáo Lê Thị Thủy T, Phạm Thị Kim L tham gia vụ án với vai trò giúp sức không đáng kể và các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, có nơi cư trú rõ ràng nên đủ điều kiện hưởng án treo theo quy định của pháp luật.

+ Đối với các bị cáo Nguyễn Hữu N1, Lê Văn C, Lê Thị X2, Lê Văn E, Trần Thị E1, Đặng Thị Kiều H2 có số tiền dùng đánh bạc không lớn, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, có nhân thân tốt và nơi cư trú rõ ràng, đủ điều kiện hưởng án treo theo quy định của pháp luật.

+ Đối với bị cáo Đoàn Thị Kim T1, Nguyễn Thị Kim N có 01 tiền án về tội đánh bạc và các bị cáo bị xử phạt tù trên 03 năm nên không đủ điều kiện được hưởng án treo.

+ Đối với Lê Thanh H11, Lê Kim A, Lê Văn V có nhân thân xấu, bị cáo Kim A bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính năm 2010, các bị cáo V, H11 mới bị xét xử cùng về tội “Đánh bạc” nên cần giữ nguyên mức hình phạt tù của bản án sơ thẩm đối với bị cáo V, H11. Riêng bị cáo Kim A là người lớn tuổi, số tiền đánh bạc thấp nên đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Kim A, giảm nhẹ cho bị cáo 06 tháng tù.

+ Đối với bị cáo Nguyễn Chú L1, Hồ Văn L2, Nguyễn Thanh T2 có số tiền dùng đánh bạc lớn hơn các bị cáo khác nên cần giữ nguyên mức án 03 năm tù mà cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với mỗi bị cáo.

+ Đối với bị cáo Ngô Văn H có nhân thân xấu năm 2011 bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và ngày 27/4/2023, bị Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An xét xử về tội “Tổ chức đánh bạc” của nên cần giữ nguyên mức án sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo.

+ Từ những nhận định trên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo Ngô Văn H, Lê Thanh H11, Lê Văn V, Nguyễn Chú L1, Hồ Văn L2, Nguyễn Thanh T2, Đoàn Thị Kim T1, Nguyễn Thị Kim N, giữ nguyên mức phạt tù mà cấp sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo; Chấp nhận một phần kháng cáo của Lê Kim A sửa bản án sơ thẩm, giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt, xử phạt bị cáo 03 năm tù về tội “Đánh bạc”; Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Thị Thủy T, Phạm Thị Kim L, Nguyễn Hữu N1, Lê Văn C, Lê Thị X2, Lê Văn E, Trần Thị E1, Đặng Thị Kiều H2 giữ nguyên mức phạt tù đối với mỗi bị cáo và cho các bị cáo được hưởng án treo.

- Các bị cáo không tham gia tranh luận mà chỉ xin xem xét giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

- Luật sư Hoàng Anh C4 bào chữa cho các bị cáo Lê Thị Thủy T, Lê Thành H1 trình bày quan điểm thống nhất về tội danh và điều luật mà cấp sơ thẩm đã

áp dụng đối với các bị cáo. Về mức hình phạt đối với các bị cáo, luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét:

+ Đối với bị cáo Lê Thành H1 mức án 03 năm 06 tháng tù là nghiêm khắc. Bởi, tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là thứ yếu trong vụ án có đồng phạm, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, số tiền đánh bạc chỉ là 1.500.000 đồng và bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, đang điều trị tiểu đường, chưa có nghề nghiệp ổn định mà chỉ buôn bán nhỏ để nuôi cha mẹ già và con nhỏ nên luật sư đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt, xử phạt bị cáo mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”.

+ Đối với bị cáo Lê Thị Thủy T giữ vai trò đồng phạm giúp sức thứ yếu, chỉ nấu ăn theo sự phân công của T2, T11 để hưởng tiền công theo ngày, bản thân bị cáo không được chia lợi từ hành vi tổ chức đánh bạc, bị cáo có học vấn thấp nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đồng thời đề nghị cho bị cáo hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Nhận thấy, mức án 01 năm 06 tháng tù mà cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với bị cáo T là nghiêm khắc nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hơn hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo là với quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm Tòa án nhân dân tối cao.

- Luật sư Hồ Minh T10 bào chữa cho bị cáo Lê Kim A, Trần Thị E1, Nguyễn Hữu N1 trình bày: Luật sư thống nhất về tội danh và điều luật mà cấp sơ thẩm đã xét xử. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét:

+ Về tính chất hành vi phạm tội: Số tiền thu giữ tại chiếu bạc, tiền xâu chỉ là 16.950.000 đồng, còn số tiền thu giữ trong người của các bị cáo không liên quan đến các bị cáo khác và việc áp dụng Nghị quyết 01/2010/NQ-HĐTP đã hết hiệu lực để truy tố, xét xử các bị cáo là bất lợi. Do đó, các bị cáo đáng lẽ phải bị xử phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đúng như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè đã truy tố các bị cáo lần đầu. Việc Tòa án xét xử các bị cáo phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, là nghiêm khắc nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét.

+ Đối với bị cáo Lê Kim A có số tiền đánh bạc dưới mức khởi điểm quy của khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Mặc dù, bị cáo là người có nhân thân nhưng hành vi vi phạm hành chính đã thực hiện từ năm 2010 và bị cáo đã đóng phạt đầy đủ; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu, là người cao tuổi, hiện đang điều trị bệnh bướu cổ và sức khỏe yếu. Đối chiếu các

quy định tại khoản 1 Điều 3, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo Kim A có đầy đủ điều kiện để được hưởng án treo nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo Kim A.

+ Đối với các bị cáo N1, Trần Thị E1, luật sư cũng thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo N1, Thị E1 để cho các bị cáo được hưởng án treo.

- Luật sư Nguyễn Quốc C5 bào chữa cho bị cáo Đặng Thị Kiều H2 thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cho bị cáo được hưởng án treo. Đồng thời, luật sư trình bày tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo có giao nộp đơn xác nhận là lao động chính và gia đình có hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương, bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, bị cáo không biết chữ nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết phạm tội do lạc hậu theo quy định tại điểm m khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, cho bị cáo H2 và cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp với quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Đại diện Viện kiểm sát tranh luận:

+ Đối với đề nghị của luật sư Hoàng Anh C4 bào chữa cho bị cáo Lê Thành H1: Do bị cáo chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ tại Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, nên không có cơ sở áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, để áp dụng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo H1 nên đề nghị của vị luật sư là không có cơ sở để chấp nhận. Và đối với bị cáo Lê Thị Thủy T phạm tội “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự năm 2015 có khung hình phạt từ 01 năm đến 05 năm thuộc trường hợp tội phạm nghiêm trọng nên không có cơ sở áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo T.

+ Đối với đề nghị của luật sư Hồ Minh T10 trình bày về việc xét xử bị cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là không có cơ sở, vì số tiền đánh bạc thu giữ tại chiếu bạc, tiền xâu và tiền thu trên người các con bạc đã được chứng minh dùng vào việc đánh bạc là 61.650.000 đồng nên cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là phù hợp.

+ Đối với đề nghị của luật sư Nguyễn Quốc C5 bào chữa cho bị cáo Đặng Thị Kiều H2: Về tình tiết “phạm tội do lạc hậu”, do bị cáo sinh sống, làm việc tại khu vực thành thị, không phải khu vực vùng sâu, vùng xa nên mặc dù bị cáo có học vấn thấp cũng không thuộc trường hợp phạm tội do lạc hậu. Do đó,

không có cơ sở áp dụng điểm m khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo H2.

Kết thúc phần tranh luận, các bên đều bảo lưu quan điểm như đã trình bày.

Tại lời nói sau cùng: Bị cáo Nguyễn Thị Kim N, Lê Thành H1 xin được giảm nhẹ hình phạt; Các bị cáo Lê Thị Thủy T, Phạm Thị Kim L, Ngô Văn H, Lê Kim A, Lê Văn V, Đoàn Thị Kim T1, Lê Văn C, Nguyễn Thanh T2, Trần Thị X, Lê Văn E, Trần Thị E1, Nguyễn Chú L1, Nguyễn Hữu N1, Hồ Văn L2, Đặng Thị Kiều H2 đều xin được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Căn cứ lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm, cùng lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở xác định:

[1.1] Võ Thanh T11 cùng với Lê Thanh T12, Lê Văn T13, Lê Tấn D2, Trang Hoàng T15 sử dụng nhà không số (nhà không người sử dụng) thuộc tổ F, ấp B, xã L, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh để tổ chức đánh bạc ăn tiền để thu tiền xâu. T15, T13 và D2 trực tiếp có mặt tại sòng bài để nhận tiền xâu từ những người tham gia đánh bạc rồi đưa lại cho T12, rồi T12 dùng số tiền lấy xâu được, chi trả tiền mua bài, nước, chiếu, ghế; trả tiền công phục vụ ăn uống, giữ xe. Số tiền xâu còn lại T12 đưa cho T11 và khoảng sau 07 ngày thì T11 chia tiền cho T12, T15, T13, D2 một lần. Ngoài ra Lê Thanh T12 thuê Phạm Thanh T14 giữ xe cho các con bạc và thuê Lê Thị Thủy T, Hồ Thị Hồng M2, Phạm Thị Kim L phục vụ thức ăn cho các con bạc.

[1.2] Ngày 26/5/2021, Nguyễn Thị Kim N, Ngô Văn H, Đoàn Thị Kim T1, Lê Thành H1, Lê Văn V, Đặng Thị Kiều H2, Lê Kim A, Nguyễn Hữu N1, Nguyễn Thanh T2, Hồ Văn L2, Trần Thị X, Hồ Thị L12, Lê Văn C, Lê Văn E, Trần Thị E1, Nguyễn Chú L1 đánh bạc dưới hình thức đánh bài cào 03 lá (loại bài tây 52 lá) đếm nút thắng thua bằng tiền với quy định người làm cái thắng luân phiên cứ mỗi 02 ván thì xoay vòng, trong 02 ván đó người làm cái phải trả tiền xâu từ 50.000 đồng đến 500.000 đồng (tùy theo nhà cái thắng ít hay nhiều tiền) và người đặt tụ nếu thắng 02 ván liên tiếp thì trả tiền xâu 50.000 đồng. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày thì bị Công an Thành phố H phát hiện bắt quả tang, thu giữ tiền trên chiếu bạc, tiền xung quanh chiếu bạc và tiền thu xâu trong ngày là 16.950.000 đồng, nhưng quá trình điều tra đã xác định thêm số tiền mà những người đánh bạc giữ trong người dùng đánh bạc là 44.700.000 đồng, nên tổng cộng số tiền sử dụng đánh bạc trong ngày 26/5/2021 là 61.650.000 đồng.

[1.3] Với hành vi nêu trên, Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè đã kết luận các bị cáo Võ Thanh T11, Lê Thanh T12, Lê Văn T13, Lê Tấn D2, Trang Hoàng T15, Lê Thị Thủy T, Hồ Thị Hồng M2, Phạm Thị Kim L và Phạm Thanh T14 phạm tội “Tổ chức đánh bạc” (trong đó bị cáo Thủy T và bị cáo Kim L phạm tội “Tổ chức đánh bạc” theo điểm a, c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự năm 2015); các bị cáo Nguyễn Thị Kim N, Ngô Văn H, Đoàn Thị Kim T1, Lê Thành H1, Lê Văn V, Đặng Thị Kiều H2, Lê Kim A, Nguyễn Hữu N1, Nguyễn Thanh T2, Hồ Văn L2, Trần Thị X, Lê Văn C, Lê Văn E, Trần Thị E1, Nguyễn Chú L1, phạm vào tội “Đánh bạc” theo điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ.

[2] Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 20/2023/HS-ST ngày 09-5-2023 của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, đã xử phạt bị cáo T11 05 năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”; bị cáo T2 04 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”; bị cáo D2 03 năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc”; xử phạt bị cáo T13, T15 cùng mức án 01 năm 11 tháng, 13 ngày tù về tội “Tổ chức đánh bạc”; xử phạt bị cáo M2 01 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo; xử phạt các bị cáo T14, T, L cùng mức án 01 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”; xử phạt các bị cáo N, H cùng mức án 03 năm 09 tháng tù về tội “Đánh bạc”; xử phạt các bị cáo T1, V, H1, Kim A, cùng mức án 03 năm 06 tháng tù về tội “Đánh bạc”; xử phạt các bị cáo H2, C, T2, X, Văn E, Thị E1, L1, N1, L2, cùng mức án 03 năm tù về tội “Đánh bạc”.

[3] Ngày 12/5/2023, các bị cáo Nguyễn Thị Kim N, Trần Thị E1 có đơn kháng cáo; ngày 13/5/2023, bị cáo Lê Văn C có đơn kháng cáo; ngày 14/5/2023, bị cáo Trần Thị X có đơn kháng cáo; ngày 16/5/2023, bị cáo Phạm Thị Kim L, Lê Văn E có đơn kháng cáo; ngày 17/5/2023, các bị cáo Lê Kim A, Lê Văn V, Lê Thị Thủy T, Lê Thành H1 có đơn kháng cáo; ngày 18/5/2023, các bị cáo Nguyễn Chú L1, Hồ Văn L2, Nguyễn Hữu N1, Nguyễn Thanh T2 có đơn kháng cáo; ngày 19/5/2023, các bị cáo Ngô Văn H, Đặng Thị Kiều H2 có đơn kháng cáo; ngày 22/5/2023, bị cáo Đoàn Thị Kim T1 có đơn kháng cáo. Xét đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong thời hạn luật định là hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[4] Xét kháng cáo của các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự an toàn công cộng, gây mất trật tự trị an xã hội và là một trong những nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác nên cần phải xử phạt các bị cáo nhằm đảm tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy vậy, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử còn xem xét đến vai trò, tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và hoàn cảnh của các bị cáo.

[5] Vai trò của các bị cáo phạm tội “Tổ chức đánh bạc”: Bị cáo T11 là người chủ mưu; bị cáo T2 làm nhiệm vụ quản lý, thuê người giữ xe, thuê người phục vụ nấu ăn, nhận tiền tiền xâu và chi trả các chi phí tại sòng bài; các bị cáo T15, T13, D2 có nhiệm vụ kéo khách từ những nơi khác đến tham gia đánh bạc và trực tiếp lấy tiền xâu; bị cáo T14 được bị cáo T2 thuê trông giữ xe cho các con bạc; các bị cáo Thủy T, Mỹ, L cũng là người được bị cáo T2 thuê và trả tiền công theo ngày để phục vụ nấu ăn cho các con bạc. Do vậy, bị cáo T11 có vai trò cao nhất trong nhóm, kế tiếp là bị cáo T2 và kế tiếp nữa là các bị cáo T15, T13, D2 và kế tiếp nữa là bị cáo T14. Riêng các bị cáo Thủy T, Mỹ, L là những người giúp sức cho bị cáo T11 và có vai trò hạn chế nhất trong nhóm.

[6] Vai trò của các bị cáo phạm tội “Đánh bạc”: Các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi mà từng bị cáo đã thực hiện và trong vụ án này cá nhân các bị cáo đều sử dụng số tiền ít để tham gia đánh bạc, cụ thể: bị cáo N sử dụng 5.000.000 đồng; bị cáo H sử dụng 4.000.000 đồng; bị cáo T1 sử dụng 1.000.000 đồng; bị cáo H1 sử dụng 3.500.000 đồng; bị cáo V sử dụng 6.000.000 đồng; H2 sử dụng 4.000.000 đồng; bị cáo Kim A sử dụng 4.000.000 đồng; bị cáo N1 sử dụng 2.000.000 đồng; bị cáo T2 sử dụng 6.300.000 đồng (ngoài ra bị cáo còn thắng bạc là 7.500.000 đồng); bị cáo L2 sử dụng 3.000.000 đồng (ngoài ra bị cáo còn thắng bạc 4.400.000 đồng); bị cáo X sử dụng 5.000.000 đồng; bị cáo C sử dụng 4.300.000 đồng; bị cáo Văn E sử dụng 2.000.000 đồng; bị cáo Thị E1 sử dụng 1.000.000 đồng; bị cáo Lịch sử dụng 1.000.000 đồng, nhưng quá trình điều tra đã xác định tổng số tiền mà các bị cáo sử dụng để đánh bạc trong ngày 26/5/2021 là 61.650.000 đồng nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Đánh bạc” theo điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuy vậy, Hội đồng xét xử cũng lưu ý đến tình tiết này khi lượng hình đối với các bị cáo, đồng thời quan tâm đến các bị cáo là người cao tuổi và các bị cáo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

[7] Tại phiên tòa, luật sư Hồ Minh T10 cho rằng, khi Công an vào bắt quả tang thì số tiền thu giữ tại chiếu bạc, số tiền xung quanh chiếu bạc và số tiền xâu là 16.950.000 đồng nên các bị cáo trong nhóm về tội “Đánh bạc” phải được xét xử theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xét thấy, mặc dù khi cơ quan Công an vào bắt quả tang số tiền thu giữ tại chiếu bạc, số tiền xung quanh chiếu bạc và số tiền xâu chỉ là 16.950.000 đồng, nhưng trong quá trình điều tra đã xác định thêm số tiền mà các bị cáo giữ trong người dùng để đánh bạc là 44.700.000 đồng, từ đó xác định tổng cộng số tiền mà các bị cáo sử dụng đánh bạc trong ngày 26/5/2021 là 61.650.000 đồng. Do vậy, xét về tội danh và khung hình phạt thì các bị cáo đã phạm tội về tội “Đánh bạc” theo điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015, nhưng xét về tính chất thì hành vi của mỗi bị cáo

thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên Hội đồng xét xử sẽ cân nhắc khi lượng hình đối với nhóm các bị cáo phạm tội “Đánh bạc” trong vụ án này.

[8] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Kim N và bị cáo Kim T1 đã phạm tội “Đánh bạc” chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục phạm tội đánh nên thuộc trường hợp “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[9] Về tình tiết giảm nhẹ: Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định các bị cáo đều có tình tiết giảm nhẹ khai báo thành khẩn quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Ngoài ra bị cáo Thủy T, bị cáo H1 bị bệnh tiểu đường; bị cáo N1 có hoàn cảnh khó khăn, bố mẹ bỏ đi, bản thân bị cáo là anh cả trong gia đình phải chăm sóc em ruột bị khuyết tật nặng do nhiễm chất độc màu da cam, hàng tháng được hưởng tiền trợ cấp của Nhà nước; bị cáo Lê Văn E bị bệnh nhồi máu não; Gia đình bị cáo T1 là gia đình có công với cách mạng; Trần Thị E1 và Kiều H2 có hỗ trợ, đóng góp cho chính quyền địa phương trong thời điểm dịch Covid bùng phát tại Thành phố Hồ Chí Minh nên được Tòa án cấp sơ thẩm cho các bị cáo trên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[10] Tại phiên tòa, luật sư Hoàng Anh C4 đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo Lê Thị Thủy T được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy, các bị cáo Thủy T, Kim L, M2 phạm tội “Tổ chức đánh bạc” theo khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự năm 2015 có khung hình phạt từ 01 năm tù đến 05 năm tù, nhưng bản thân các bị cáo này phạm tội lần đầu, giữ vai trò đồng phạm giúp sức thứ yếu, không đáng kể nên tình tiết giảm nhẹ “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” theo điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 cần được áp dụng cho bị cáo Thủy T, Kim L (theo mục 4 phần I Giải đáp số 01/2017/GĐ-TANDTC ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân tối cao). Riêng bị cáo M2 đã được cấp sơ thẩm cho hưởng án treo và bị cáo không kháng cáo, nên không cần thiết sửa bản án chỉ để bổ sung tình tiết giảm nhẹ theo điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, nhưng cấp sơ thẩm cũng cần lưu ý những trường hợp tương tự về sau.

[11] Đối với bị cáo L là người không biết chữ, các bị cáo Thủy T, Kim A, Thị E1, V, L2, L1, Văn E, Kiều H2, Kim N có học vấn thấp (Tiên lớp 06/12, Kim A lớp 01/12, Văn E, T, Lịch lớp 3/12, L2 lớp 01/12, Vi lớp 02/12, T1 lớp 5/12, N lớp 01/12); các bị cáo Văn E, Kim A, Thị E1 là người cao tuổi; bị cáo T2 có hoàn cảnh khó khăn là lao động chính, đang nuôi mẹ già và 02 con còn nhỏ (sinh năm 2015 và năm 2019), bản thân bị cáo đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự tại Trung đoàn 31 thuộc Sư đoàn C6, Quân đoàn D4; bị cáo Kiều H2 là lao

động chính (có xác nhận của chính quyền địa phương), nên cần cho các bị cáo Thủy T, Kim A, Thị E1, Văn E, V, L2, L1, Kiều H2, Kim N, T2 được hưởng thêm các tình tiết nêu trên là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[12] Như vậy, với hành vi phạm tội, vai trò, tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và hoàn cảnh của các bị cáo như đã nêu ở trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy như sau:

[12.1] Đối với các bị cáo Thủy T, Kim L được T2 thuê người phục vụ ăn uống cho các con bạc để hưởng công theo ngày nhưng không tham gia trực tiếp tại chiếu bạc nên có vai trò đồng phạm giúp sức thứ yếu, không đáng kể và có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 như đã nêu, có nơi cư trú rõ ràng nên Hội đồng xét xử cân nhắc, không cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà giữ nguyên mức phạt tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách cũng đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa. Điều này phù hợp với lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa.

[12.2] Đối với các bị cáo Kim N, Kim T1 mặc dù các bị cáo có 01 tiền án, nhưng số tiền mà các bị cáo dùng đánh bạc thấp hơn hoặc bằng mức khởi điểm khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Kim N 5.000.000 đồng; Kim Thoá 2.000.000 đồng), các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ và bản thân bị cáo T1 thuộc thành phần gia đình có công nên cần giảm một phần hình phạt cho các bị cáo này.

[12.3] Đối với các bị cáo V, H1, H có nhân xấu, theo đó: bị cáo H bị xử phạt về tội “Tổ chức đánh bạc” vào ngày 27/4/2023 và bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” vào ngày 01/7/2011; bị cáo V bị xử phạt về tội “Đánh bạc” vào ngày 11/01/2023 và bị xử phạt vi phạm hành chính về cùng hành vi “Đánh bạc” vào ngày 07/01/2009; bị cáo H1 ngày 11/01/2023 bị xử phạt về tội “Đánh bạc”, ngày 12/02/2014 bị xử phạt hành chính về hành vi “Đánh bạc”. Xét, khi các bị cáo V, H1 đang bị Cơ quan tố tụng huyện N tiến hành điều tra, xử lý về hành vi “Đánh bạc” mà V, H1 đã thực hiện vào tháng 04/2014 thì các bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi đánh bạc trong vụ án này (vào ngày 26/5/2021). Riêng bị cáo H đang bị khởi tố, điều tra về hành vi “Đánh bạc” trong vụ án này, thì lại tiếp tục thực hiện hành vi “Tổ chức đánh bạc” vào ngày 15/12/2021 tại huyện C, tỉnh Long An. Điều này thể hiện các bị cáo chưa ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, nên mức án 03 năm 09 tháng tù đối với bị cáo H và mức án 03 năm 06 tháng tù đối với mỗi bị cáo V, H1 là phù hợp.

[12.4] Đối với bị cáo Nguyễn Thanh T2, mặc dù có số tiền dùng đánh bạc gần mức khởi điểm quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 (bị cáo T2 mang theo 6.300.000 đồng), nhưng bị cáo phạm tội lần đầu, không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ như đã nêu ở trên, có nhân thân tốt, chấp hành pháp luật tại địa phương (có xác nhận của Công an xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang) và bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên cần không cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà giữ nguyên mức phạt tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách, cũng đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung.

[12.5] Đối với các bị cáo X, H2, L2, Văn E, C, Thị E1, L1 chỉ sử dụng số tiền để đánh bạc bằng hoặc dưới mức định lượng quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 (bị cáo X sử dụng 5.000.000 đồng, bị cáo H2 sử dụng 4.000.000 đồng, bị cáo L2 mang theo 3.000.000 đồng, bị cáo Văn E sử dụng 2.000.000 đồng, bị cáo C sử dụng 2.000.000 đồng, bị cáo Thị E1 sử dụng 1.000.000 đồng và bị cáo Lịch sử dụng 1.000.000 đồng), bản thân các bị cáo này phạm tội lần đầu và có nhiều tình tiết giảm nhẹ như đã nêu ở trên, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà giữ nguyên mức phạt tù nhưng cho các bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách cũng đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa. Điều này có phần phù hợp với lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa.

[12.6] Đối với các bị cáo Kim A, Hữu N1 mặc dù đã từng vi phạm hành chính, nhưng thời điểm vi phạm đến nay đã lâu (Kim A cách đây 13 năm; N1 cách đây 09 năm), số tiền mà các bị cáo sử dụng để đánh bạc thấp hơn định lượng quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 (bị cáo Kim A sử dụng 4.000.000 đồng; bị cáo N1 sử dụng 2.000.000 đồng), các bị cáo đều phạm tội lần đầu và có nhiều tình tiết giảm nhẹ như đã nêu ở trên, bản thân bị cáo Kim A là người cao tuổi (64 tuổi), bị cáo N1 có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, đang nuôi người em bị khuyết tật nặng, hàng tháng được hưởng tiền trợ cấp của Nhà nước, nên Hội đồng xét xử hết sức cân nhắc giảm án, cho các bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách cũng đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa. Điều này cũng có phần phù hợp với lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[13] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo V, H1, H; chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo N, T1; chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Thủy T, Kim L, Kim A, L2, T2, Kiều H2, X, Văn E, C, Thị E1, L1, N1 và sửa bản án sơ thẩm. Điều này phù hợp với nguyên tắc xử lý người phạm tội quy định tại điểm d, đ khoản 1 Điều 3 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[14] Về việc tổng hợp hình phạt của 02 bản án đối với bị cáo Ngô Văn H:

Ngày 27/4/2023, Tòa án nhân dân huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An đã xét xử bị cáo H 02 (hai) năm tù về tội “Tổ chức đánh bạc” theo bản án số 51/2023/HS-ST, đến ngày 09/5/2023, Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án này nhưng bản án số 51/2023/HS-ST chưa có hiệu lực pháp luật nên Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè chưa có căn cứ để tổng hợp hình phạt của 02 bản án. Do vậy, khi 02 bản án nêu trên có hiệu lực pháp luật thì sẽ được tổng hợp theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[15] Về án phí:

[15.1] Án phí hình sự sơ thẩm: Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng. Trong vụ án này, có 03 bị cáo là người cao tuổi (Kim A, Văn E, Thị E1) và theo quy định của pháp luật thì các bị cáo này thuộc trường hợp được miễn án phí, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo vẫn đồng ý nộp án phí hình sự sơ thẩm nên cấp phúc thẩm không xem xét để sửa phần này.

[15.2] Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo V, H1, H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Các bị cáo T1, N, X, L2, T2, T, L, Văn E, Thị E1, C, L1, N1, Kim A, H2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[16] Trong vụ án này có 03 bị cáo là người cao tuổi và có nhiều bị cáo có trình độ học vấn rất thấp nên Hội đồng xét xử nêu một số điều luật liên quan đến án treo dưới đây để các bị cáo biết và tra cứu:

Khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 87; Điều 92; Điều 93 Luật thi hành án hình sự năm 2019.

[17] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị nên đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2021,

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Văn V, Lê Thành H1, Ngô Văn H; chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Đoàn Thị Kim T1, Nguyễn Thị Kim N; chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Thị Thủy T, Phạm Thị Ngọc L14, Trần Thị X, Đặng Thị Kiều H2, Lê Kim A, Hồ Văn L2, Nguyễn

Thanh T2; Lê Văn E, Lê Văn C, Trần Thị E1, Nguyễn Chú L1, Nguyễn Hữu N1 và sửa bản án sơ thẩm.

1. Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 322; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Lê Thị Thủy T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Lê Thị Thủy T cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

2. Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 322; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Phạm Thị Kim L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Phạm Thị Kim L cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

3. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Ngô Văn H 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 27/5/2021 đến ngày 05/6/2021.

4. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim N 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 27/5/2021 đến ngày 05/6/2021.

5. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Đoàn Thị Kim T1 03 (ba) năm 03 (ba) tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án phạt tù, nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/5/2021 đến ngày 14/7/2021.

6. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Lê Thành H1 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 27/5/2021 đến ngày 05/6/2021.

7. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Lê Văn V 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo thi hành án phạt tù, nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 27/5/2021 đến ngày 05/6/2021.

8. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Lê Kim A 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Lê Kim A cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

9. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu N1 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Hữu N1 cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

10. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Đặng Thị Kiều H2 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Đặng Thị Kiều H2 cho Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

11. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 38; Điều 50; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Lê Văn C 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Lê Văn C cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

12. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 38; Điều 50; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T2 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thanh T2 cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

13. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 38; Điều 50; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Trần Thị X 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Trần Thị X cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện C, tỉnh Long An giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

14. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Hồ Văn L2 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Hồ Văn L2 cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

15. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Nguyễn Chú L1 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Chú L1 cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

16. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Lê Văn E 03 (ba) tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Lê Văn E cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

17. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt bị cáo Trần Thị E1 03 (ba) năm tù về tội “Đánh bạc”, nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Trần Thị E1 cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo nêu trên thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trong trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định của Bộ luật Hình sự.

18. Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Án phí hình sự phúc thẩm:

Bị cáo Lê Văn V, bị cáo Lê Thành H1, bị cáo Ngô Văn H, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Lê Kim A, Lê Thị Thủy T, Phạm Thị Ngọc L14, Nguyễn Hữu N1, Đoàn Thị Kim T1, Nguyễn Thị Kim N, Hồ Văn L2, Nguyễn Thanh T2, Trần Thị X, Đặng Thị Kiều H2, Lê Văn E, Trần Thị E1, Lê Văn C và Nguyễn Chú L1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

19. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo được hưởng án treo)

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND cấp cao tại Tp. HCM (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- VKSND huyện Nhà Bè; (2)
- PV06 - CATP; (1)
- Bị cáo; (17)
- THADS huyện Nhà Bè; (1)
- TAND huyện Nhà Bè; (2)
- Công an huyện Nhà Bè; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (17)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (52) (3)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Ngọc Thắng

